

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **352/2025/HNGĐ-ST**.
Ngày: 22/12/2025
V/v: “ *Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Đoàn Thanh Thúy

2. Ông; Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký TAND Khu vực 4 – An Giang

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 200/2025/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2025/QĐXXST –HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Thị H**, sinh năm 1987 (vắng mặt – có đơn)

Căn cước công dân số: 091187018033; Cấp ngày 05/8/2022

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Sơn Bình, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang

2/ Bị đơn: Anh **Danh P**, sinh năm 1980 (Có mặt).

Căn cước công dân số: 091080005718; Cấp ngày 05/10/2022

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Sơn Bình, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2025, quá trình tố tụng chị **Thị H** trình bày như sau:

Chị **Thị H** và anh **Danh P** được cha mẹ hai bên mai mối, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NTS, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (cũ), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số xxx ngày 22/10/2007. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do anh **Danh P** thường xuyên rượu chè, không chăm lo cho cuộc sống

gia đình. Mặc dù chị Thị H đã nhiều lần cố gắng nhường nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh Danh P không sửa đổi, khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2019, chị Thị H và anh Danh P sống ly thân; kể từ đó, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay xét thấy tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh P.

Về con chung: Trong quá trình hôn nhân, chị Thị H và anh Danh P có 03 người con chung, gồm: Cháu Thị C, sinh ngày 17/02/2006, bị khuyết tật bẩm sinh, không tự lo được cho bản thân; Cháu Danh Huỳnh T, sinh ngày 29/5/2011 và Cháu Thị B, sinh ngày 13/7/2014.

Hiện nay, cả 03 người con chung đều do chị Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Thị H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thị C do bị khuyết tật và nuôi dưỡng hai cháu Danh Huỳnh T và Thị B chưa thành niên cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Chị Thị H trình bày hiện có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con nên không yêu cầu anh Danh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.\

**** Tại bản tự khai ngày 14/11/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Danh P trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân và quá trình chung sống, anh Danh P xác nhận nội dung chị Thị H trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh cho rằng giữa vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng; việc ly thân là do chị Thị H tự ý bỏ đi, thời gian ly thân đến nay khoảng từ 06 năm đến 07 năm. Tuy nhiên, anh Danh P vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Thị H. Do đó, đối với yêu cầu ly hôn của chị Thị H, anh Danh P không chấp nhận vì mong muốn đoàn tụ, tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng.

Trường hợp Tòa án xét xử và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị H thì anh Danh P có ý kiến đối với các vấn đề liên quan như sau:

Về con chung: anh Danh P xác nhận vợ chồng có 03 người con chung gồm cháu Thị C sinh ngày 17/02/2006 (bị khuyết tật), cháu Danh Huỳnh T sinh ngày 29/5/2011 và cháu Thị B sinh ngày 13/7/2014. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả 03 người con chung cho chị

Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh không cấp dưỡng theo mức cố định mà sẽ hỗ trợ cho các con theo khả năng của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình hôn nhân, vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên anh Danh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Thị H yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Danh P, bị đơn có nơi cư trú tại xã Hòn Đất, tỉnh An Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Thị H và anh Danh P tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2005, đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NTS, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (cũ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 22/10/2007. Do đó, hôn nhân giữa chị Thị H và anh Danh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Danh P không quan tâm, chăm lo đời sống gia đình, thường xuyên rượu chè, vợ chồng không hòa hợp trong sinh hoạt và quan điểm sống. Mặc dù chị Thị H đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2019, chị Thị H và anh Danh P sống ly thân cho đến nay, đời sống chung vợ chồng không còn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm đoàn tụ vợ chồng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Danh P. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ của vợ

chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ sống chung, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Thị H và anh Danh P đã trầm trọng, thời gian ly thân kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Thị H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[3.2] Về quan hệ con chung:

Chị Thị H và anh Danh P có 03 người con chung gồm: Cháu Thị C, sinh ngày 17/02/2006, bị khuyết tật bẩm sinh, không tự lo được cho bản thân; cháu Danh Huỳnh T, sinh ngày 29/5/2011 và cháu Thị B, sinh ngày 13/7/2014. Hiện nay, cả 03 người con chung đều đang do chị Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Thị C được Ủy ban nhân dân xã NTS, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (cũ) cấp giấy xác nhận khuyết tật dạng “*Vận động và trí tuệ*”, mức độ “*nặng*”. Các cháu Danh Huỳnh T và Thị B có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Thị H.

Xét thấy, mặc dù cháu Thị C đã đủ tuổi thành niên nhưng do bị khuyết tật nặng, không có khả năng tự chăm sóc bản thân, cần được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; hai cháu Danh Huỳnh T và Thị B hiện chưa thành niên, đang ổn định cuộc sống cùng mẹ; việc giao các cháu cho chị Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các cháu, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở giao cháu Thị C cho chị Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Danh Huỳnh T và cháu Thị B cho chị Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thị H không yêu cầu anh Danh P cấp dưỡng nuôi con; anh Danh P tự nguyện hỗ trợ các con theo khả năng của mình. Đây là sự tự nguyện của các bên, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị H và anh Danh P đều trình bày quá trình hôn nhân không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị H được ly hôn với anh Danh P.
2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Thị C, sinh ngày 17/02/2006 (bị khuyết tật), cho chị Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Danh Huỳnh T, sinh ngày 29/5/2011 và cháu Thị B, sinh ngày 13/7/2014, cho chị Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Danh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thị H không yêu cầu anh Danh P cấp dưỡng nuôi con; anh Danh P tự nguyện hỗ trợ các con theo khả năng của mình. Đây là sự tự nguyện của các bên, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị H và anh Danh P đều xác định trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005186 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn chị Thị H biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Bị đơn anh Danh P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS nhân dân KV4 – An Giang;
- Phòng THA DS KV4 – An Giang
- UBND xã Hòn Đất (KH số xxx ngày

22/10/2007 xã NTS cũ)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Phúc